

MỤC LỤC

— Lời nói đầu	7
— Quy cách biên soạn	11
— Bảng viết tắt các tác phẩm và ký hiệu dùng trong khảo đính và chú thích.	17
TRẦN CẢNH (TRẦN THÁI TÔNG)	19
1. Kỳ Thanh phong am tăng Đức Sơn (Gửi nhà sư Đức Sơn ở am Thanh-phong)	21
2. Tống Bắc sư Trương Hiền Khanh (Tiền sư Bắc Trương Hiền Khanh)	21
3. Thiền tông chỉ nam tự (Tựa Thiền tông chỉ nam)	21
4. Kim cương tam muội kinh tự (Tựa kinh Kim Cương tam muội)	31
KHÓA HƯ LỤC	37
— Quyền thượng : Phở thuyết	39
5. Phở thuyết tứ sơn (Nói rộng về bốn núi)	39
6. Phở thuyết sắc thân (Bàn rộng về sắc thân)	52
7. Phở khuyến phát bồ-đề tâm (Khuyến mọi người mở lòng bồ-đề)	58
8. Phở thuyết hương thượng nhất lộ (Nói rộng về một con đường tiến-đến)	71
— Quyền trung : Luận, văn, ngữ lục	78
9. Giới định tuệ luận (Bàn về giới, định và tuệ)	78
10. Thu giới luận (Bàn về thu giới)	80
11. Niệm Phật luận (Bàn về niệm Phật)	82
12. Tọa thiền luận (Bàn về ngồi thiền)	86
13. Tuệ giáo giám luận (Bàn về gương tuệ)	89
14. Bình đẳng lễ sám văn tự (Tựa bài văn bình đẳng lễ sám)	91
15. Giới sát sinh văn (Văn răn sát sinh)	92
16. Giới thâu đồ (Văn răn trộm cắp)	94
17. Giới sắc văn (Văn răn ham sắc)	97
18. Giới vọng ngữ văn (Văn răn nói dối)	99
19. Giới tửu văn (Văn răn uống rượu)	101
20. Ngữ lục vấn đáp môn hạ (Ngữ lục hỏi đáp với học trò)	103
21. Niệm tụng kệ (Niệm tụng kệ)	108
— Quyền hạ : Lục thí sám hối khoa nghi	155
22. Lục thí sám hối khoa nghi tự (Tựa Lục thí sám hối khoa nghi)	155
• Sơ nhật thí (Thí sáng sớm)	

23. <i>Dần thì cảnh sách chúng kê</i> (Kê khuyến răn lúc giờ dần)	159
24. <i>Sơ nhật chúc hương</i> (Dâng hương buổi sớm)	161
25. <i>Hiển hương kê</i> (Kê dâng hương)	162
26. <i>Hiển hoa kê</i> (Kê dâng hoa)	163
27. <i>Khải bạch</i> (Tâu bạch)	164
28. <i>Sám hối nhĩ căn tội</i> (Sám hối tội căn do mắt)	166
29. <i>Chỉ tâm khuyến thỉnh</i> (Đốc lòng khuyến mời)	168
30. <i>Chỉ tâm tùy hỷ</i> (Đốc lòng tùy hỷ)	169
31. <i>Chỉ tâm hồi hướng</i> (Đốc lòng hồi hướng)	170
32. <i>Chỉ tâm phát nguyện</i> (Đốc lòng phát nguyện)	171
33. <i>Sơ nhật vô thường kê</i> (Kê vô thường buổi sớm)	172
• <i>Trung nhật thi</i> (Thi giữa trưa)	
34. <i>Trung nhật chúc hương</i> (Dâng hương buổi trưa)	174
35. <i>Khải bạch</i> (Tâu bạch)	175
36. <i>Sám hối nhĩ căn tội</i> (Sám hối tội căn do tai)	178
37. <i>Chỉ tâm phát nguyện</i> (Đốc lòng phát nguyện)	180
38. <i>Thử thời vô thường kê</i> (Kê vô thường lúc bấy giờ)	182
• <i>Nhật một thi</i> (Thi mặt trời lặn)	
39. <i>Nhật một chúc hương</i> (Dâng hương lúc mặt trời lặn)	183
40. <i>Khải bạch</i> (Tâu bạch)	185
41. <i>Sám hối tứ căn tội</i> (Sám hối tội căn do mũi)	187
42. <i>Chỉ tâm phát nguyện</i> (Đốc lòng phát nguyện)	189
43. <i>Thử thời vô thường kê</i> (Kê vô thường lúc bấy giờ)	190
• <i>Sơ dạ thi</i> (Thi chập tối)	
44. <i>Hoàng hôn khuyến chúng kê</i> (Kê khuyến mọi người lúc hoàng hôn)	192
45. <i>Bát khồ kê</i> (Kê về tám nỗi khổ)	193
46. <i>Sơ dạ chúc hương</i> (Dâng hương lúc chập tối)	194
47. <i>Khải bạch</i> (Tâu bạch)	196
48. <i>Sám hối thiệt căn tội</i> (Sám hối tội căn do lưỡi)	198
49. <i>Chỉ tâm phát nguyện</i> (Đốc lòng phát nguyện)	200
50. <i>Thử thời vô thường kê</i> (Kê vô thường lúc bấy giờ)	201
• <i>Bán dạ thi</i> (Thi nửa đêm)	
51. <i>Bán dạ chúc hương</i> (Dâng hương lúc nửa đêm)	203
52. <i>Khải bạch</i> (Tâu bạch)	204
53. <i>Sám hối thân căn tội</i> (Sám hối tội căn do thân)	207
54. <i>Chỉ tâm phát nguyện</i> (Đốc lòng phát nguyện)	209
55. <i>Thử thời vô thường kê</i> (Kê vô thường lúc bấy giờ)	211
• <i>Hậu dạ thi</i> (Thi rạng đông)	
56. <i>Hậu dạ chúc hương</i> (Dâng hương lúc tảng sáng)	212
57. <i>Khải bạch</i> (Tâu bạch)	214

58. <i>Sám hối ý căn tội</i> (Sám hối tội căn do ý)	216
59. <i>Chỉ tâm phát nguyện</i> (Độc lòng phát nguyện)	220
60. <i>Thử thời vô thường kệ</i> (Kệ vô thường lúc bấy giờ)	222
TRẦN TUNG (TUỆ TRUNG THUƠNG SĨ)	223
61. <i>Kiến giải</i> (Kiến giải)	225
62. <i>Dưỡng chân</i> (Nuôi dưỡng chân tịnh)	226
63. <i>Thủ né ngư</i> (Giữ con trâu đất)	227
64. <i>Phỏng Tăng Điền đại sư</i> (Thăm đại sư Tăng Điền)	228
65. <i>Vấn Phúc Đường đại sư tật</i> (Thăm bệnh đại sư Phúc Đường)	229
66. <i>Hý Trí Viên Thiền sư khấn kính tả nghĩa</i> (Đùa Thiền sư Trí Viên xem kinh giảng nghĩa)	230
67. <i>Điện tiền sư</i> (Thương xót bậc thầy xưa)	230
68. <i>Thị chúng</i> (Gọi bảo mọi người)	231
69. <i>Thị học</i> (Gọi bảo người học đạo)	232
70. <i>Ngẫu tác</i> (Chợt hứng làm thơ)	233
71. <i>Giản đề tùng</i> (Cây thông dưới khe)	234
72. <i>Xuất trần</i> (Ra khỏi bụi trần)	235
73. <i>Chỉ đạo vô nan</i> (Đạo lớn không khó)	236
74. <i>Tám vương</i> (Vua tám)	237
75. <i>Phóng ngư</i> (Thả trâu)	238
76. <i>Đề tỉnh xá</i> (Đề tỉnh xá)	238
77. <i>Ngẫu tác</i> (Chợt hứng làm thơ)	239
78. <i>Chiếu thân</i> (Soi mình)	240
79. <i>Tự tại</i> (Tự tại)	241
80. <i>Thị tu Tây phương bối</i> (Gọi bảo những người tu Tây phương)	242
81. <i>Thoát thế</i> (Thoát đời)	243
82. <i>Giang hồ tự thích</i> (Vui thích giang hồ)	244
83. <i>Thị đồ</i> (Gọi bảo học trò)	245
84. <i>An định thời tiết</i> (Thời tiết yên định)	246
85. <i>Nhập trần</i> (Vào vòng cát bụi)	247
86. <i>Vạn sự quy như</i> (Muôn việc đều về cõi chân như)	248
87. <i>Thế thái hư huyền</i> (Thối đời hư ảo)	250
88. <i>Họa huyện lệnh</i> (Họa thơ huyện lệnh)	251
89. <i>Họa Hưng tri thượng vị hầu</i> (Họa thơ Hưng tri thượng vị hầu)	253
90. <i>Tụng Thánh Tông đạo học</i> (Ca tụng đạo học của Thánh Tông)	254
91. <i>Giang hồ tự thích</i> (Vui thích giang hồ)	256
92. <i>Vật bất năng dung</i> (Vật không thể tùy theo mọi người)	257
93. <i>Thương Phúc-đường Tiêu Dao Thiền sư, I</i> (Trình Thiền sư Tiêu Dao ở Phúc-đường, I)	258
94. <i>Thương Phúc-đường Tiêu Dao Thiền sư, II</i> (Trình Thiền sư Tiêu Dao ở Phúc-đường, II)	259
95. <i>Phúc-đường cảnh vật</i> (Cảnh vật Phúc-đường)	261
96. <i>Tặng Thuận Nhất pháp sư</i> (Tặng pháp sư Thuận Nhất)	262

97. <i>Khuyến thế tiến đạo</i> (Khuyến đời vào đạo)	264
98. <i>Thị chủng</i> (Gọi bảo mọi người)	265
99. <i>Trụ trượng tử</i> (Chiếc gậy)	266
100. <i>Tự đề</i> (Tự đề)	267
101. <i>Đốn tỉnh</i> (Chợt tỉnh)	269
102. <i>Thoái cư</i> (Lui về)	270
103. <i>Phật tâm ca</i> (Bài ca Phật và tâm)	271
104. <i>Phóng cuồng ngâm</i> (Bài ngâm cuồng phóng)	278
105. <i>Sinh tử nhân nhĩ dĩ</i> (Sống chết là lẽ thường mà thôi)	282
106. <i>Phàm thánh bất dị</i> (Phàm thánh chẳng có gì khác nhau)	285
107. <i>Mê ngộ bất dị</i> (Mê lầm và giác ngộ không có gì khác nhau)	288
108. <i>Tri giới kiêm nhẫn nhục</i> (Tri giới và nhẫn nhục)	289
109. <i>Trừu thần ngâm</i> (Bài ngâm hữu mới)	292
110. <i>Trữ từ tự cảnh văn</i> (Bài văn trữ tình tự văn)	295
THƯỢNG SĨ NGŨ LỤC	302
111. <i>Đối cơ</i> (Tùy theo cơ duyên mà ứng đối)	302
112. <i>Tụng cổ</i> (Tụng cổ)	327
LÊ VĂN HƯU	352
113. <i>Nhị Trưng luận</i> (Bàn về Hai Bà Trưng)	353
114. <i>Ngã Việt thuộc Đông Hán chi thời luận</i> (Bàn về thời kỳ nước ta phụ thuộc Đông Hán)	354
115. <i>Tuyết sĩ luận</i> (Bàn về việc rửa thẹn)	355
116. <i>Thành bại luận</i> (Bàn về sự thành bại)	356
117. <i>Thiện vi quốc giả luận</i> (Bàn về người giỏi trị nước)	357
118. <i>Tiền Ngô Vương luận</i> (Bàn về Tiền Ngô Vương)	358
119. <i>Công tội tư án luận</i> (Bàn về ơn riêng mà tội chung)	359
120. <i>Nam Tấn Vương luận</i> (Bàn về Nam Tấn Vương)	360
121. <i>Đinh Tiên Hoàng luận</i> (Bàn về Đinh Tiên Hoàng)	361
122. <i>Nịch tư luận</i> (Bàn về việc say đắm tình riêng)	362
123. <i>Dĩ Lý đức giám Lê luận</i> (Bàn về việc so sánh đức của nhà Lý và nhà Lê)	363
124. <i>Thụy luận</i> (Bàn về việc đặt tên thụy)	364
125. <i>Ngọa Triều thi huynh luận</i> (Bàn về việc Ngọa Triều giết anh)	365
126. <i>Truy phong tôn hiệu luận</i> (Bàn về việc truy phong tôn hiệu)	366
127. <i>Lý gia sùng Phật luận</i> (Bàn về việc nhà Lý sùng Phật)	367
128. <i>Chính triều vị luận</i> (Bàn về việc phải chính ngôi kế vị)	369
129. <i>Lăng các hiệu luận</i> (Bàn về tên lăng và các)	371
130. <i>Xưng hiệu luận</i> (Bàn về việc xưng tên hiệu của vua)	372
131. <i>Gia tôn hiệu luận</i> (Bàn về việc thêm chữ vào tôn hiệu)	373
132. <i>Nịch tiêu nhân nhĩ vong đại sự luận</i> (Bàn về việc ham điều nhân nhỏ mà quên việc lớn)	374
133. <i>Trừ phục luận</i> (Bàn về việc đoạn tang)	376
134. <i>Quy công Phật, Đạo luận</i> (Bàn về việc quy công cho Phật và Đạo)	377

135. Nhị kỳ bản luận (Bản về việc tự coi mình là một dòng khác)	378
136. Hiến thủ từ trước luận (Bản về việc dâng thủ ban trước)	380
137. Tự phụng luận (Bản về việc tự cung phụng mình)	381
138. Dưỡng hồ di hoạn luận (Bản về việc nuôi hồ để mối họa)	382
TRẦN QUỐC TUẤN (HUNG ĐẠO VƯƠNG)	384
139. Dự chư tị tướng hịch văn (Hịch tướng sĩ)	387
140. Đáp quốc vương tặc thế chi vấn (Trả lời nhà vua hỏi về thế giặc)	395
141. Lâm chung di chúc (Căn dặn trước khi mất)	396
TRẦN HOÀNG (THÀNH TÔNG)	399
142. Hạnh An-bang phủ (Chơi phủ An-bang)	400
143. Đề Huyền-thiên động (Đề động Huyền-thiên)	401
144. Họa Tuệ-Trung Thượng sĩ (Họa thơ Thượng sĩ Tuệ Trung)	402
145. Cung viên xuân nhật ức cựu (Ngày xuân trong vườn ngự nhớ người cũ)	403
146. Hạ cánh (Cảnh mùa hè)	404
147. Đọc Đại Tuệ ngữ lục hữu cảm, I (Cảm xúc khi đọc Đại Tuệ ngữ lục, I)	405
148. Đọc Đại Tuệ ngữ lục hữu cảm, II (Cảm xúc khi đọc Đại Tuệ ngữ lục, II)	405
149. Tự thuật (Tự thuật)	406
150. Đọc Phật sự đại minh lục hữu cảm (Cảm xúc khi đọc Phật sự đại minh lục)	409
151. Văn Trần Trọng Trung (Viếng Trần Trọng Trung)	411
152. Hạnh Thiên-trường hành cung (Chơi hành cung Thiên-trường)	412
153. Chân tâm chi dụng (Tinh năng của chân tâm)	414
154. Sinh tử (Sống và chết)	415
155. Tặng Trần Quang Khải (Tặng Trần Quang Khải)	416
156. Đáp Tuệ Trung Thượng sĩ (Trả lời Thượng sĩ Tuệ Trung)	417
157. Tông thân chi nghĩa luận (Bản về tình nghĩa anh em trong hoàng tộc)	418
TRẦN QUỐC TOẠI	420
158. Thắng phong hầu (Hơn cả bậc phong hầu)	421
159. Duy thi khả thắng kim (Thơ quý hơn vàng)	421
160. Văn Văn hiển hầu (Viếng Văn hiển hầu)	422
TRẦN QUANG KHẢI	423
161. Tung giá hoàn Kinh sư (Phò giá về Kinh)	424
162. Tống Bắc sứ Sài Trang Khanh (Tiễn sứ Bắc Sài Trang Khanh)	425
163. Tặng Bắc sứ Sài Trang Khanh, Lý Chấn Văn đẳng (Tặng sứ Bắc Sài Trang Khanh, Lý Chấn Văn)	427
164. Đề Bạch-mã từ (Đề đền Bạch-mã)	428
165. Đề dã thư (Đề thơ ở biệt thự đồng quê)	430
166. Phúc-hưng viên (Vườn Phúc-hưng)	431
167. Lưu-gia đồ (Bến đò Lưu-gia)	433
168. Xuân nhật hữu cảm, I (Cảm hứng ngày xuân, I)	434
169. Xuân nhật hữu cảm, II (Cảm hứng ngày xuân, II)	434

ĐINH CÙNG VIÊN	437
170. <i>Cù-đường đồ</i> (Đề bức tranh Cù-đường)	438
LÊ CÙNG VIÊN	440
171. <i>Phụng Dương Công chùa thần đạo bí minh tinh tự</i> (Văn bia thờ Công chúa Phụng Dương)	441
TRẦN KHÂM (TRẦN NHÂN TÔNG)	451
172. <i>Xuân nhật yết Chiêu-lăng</i> (Ngày đầu năm thăm Chiêu-lăng)	452
173. <i>Xuân hiều</i> (Buổi sớm mùa xuân)	453
174. <i>Đề Gổ-châu hương thôn tự</i> (Đề chùa làng hương Gổ-châu)	454
175. <i>Động-thiên hồ thượng</i> (Trên hồ Động-thiên)	455
176. <i>Đăng Bảo-đài sơn</i> (Lên núi Bảo-đài)	456
177. <i>Quỹ Trương Hiền Khanh xuân bình</i> (Tặng bánh ngày xuân cho Trương Hiền Khanh)	457
178. <i>Tống Bắc sứ Lý Trọng Tân, Tiêu Phương Nhai</i> (Tiễn sứ Bắc Lý Trọng Tân, Tiêu Phương Nhai)	458
179. <i>Xuân cảnh</i> (Cảnh xuân)	460
180. <i>Nhị nguyệt thập nhất nhật dạ</i> (Đêm mười một tháng Hai)	460
181. <i>Khuê oán</i> (Niềm oán hận của người khuê phụ)	461
182. <i>Mai</i> (Cây mai)	462
183. <i>Xuân vãn</i> (Xuân muộn)	463
184. <i>Thiên-trường vãn vọng</i> (Ngắm cảnh chiều ở Thiên-trường)	464
185. <i>Nguyệt</i> (Trăng)	465
186. <i>Đề Phồ-minh tự thủy tạ</i> (Đề nhà thủy tạ chùa Phồ-minh)	466
187. <i>Vũ-lâm thu vãn</i> (Chiều thu ở Vũ-lâm)	467
188. <i>Lạng-châu vãn cảnh</i> (Cảnh chiều ở Châu Lạng)	468
189. <i>Sơn-phòng mạn hứng I</i> (Mạn hứng ở Sơn-phòng I)	469
190. <i>Sơn-phòng mạn hứng II</i> (Mạn hứng ở Sơn-phòng II)	469
191. <i>Tảo mai I</i> (Hoa mai sớm I)	470
192. <i>Tảo mai II</i> (Hoa mai sớm II)	470
193. <i>Thiên-trường phủ</i> (Phủ — Thiên-trường)	472
194. <i>Tặng Bắc sứ Lý Tư Diễn</i> (Tặng sứ Bắc Lý Tư Diễn)	474
195. <i>Tây chinh đạo trung</i> (Trên đường Tây chinh)	476
196. <i>Họa Kiều Nguyên Lăng vận</i> (Họa thơ Kiều Nguyên Lăng)	477
197. <i>Tống Bắc sứ Ma Hợp, Kiều Nguyên Lăng</i> (Tiễn sứ Bắc Ma Hợp, Kiều Nguyên Lăng)	478
198. <i>Đại-lâm Thần-quang tự</i> (Chùa Thần-quang trên núi Đại-lâm)	480
199. <i>Quán tu ký</i> (Người nên nhớ)	482
200. <i>Tức sự</i> (Tức sự)	483
201. <i>Trúc nô minh</i> (Bài minh về trúc nô)	484
202. <i>Tán Tuệ Trung Thượng sĩ</i> (Ca ngợi Thượng sĩ Tuệ Trung)	485
203. <i>Hữu cù vô cú</i> (câu hữu câu vô)	486

204. <i>Sư đệ vấn đáp</i> (Thầy trò hỏi đáp)	492
205. <i>Cư trần lạc đạo phú</i> (Phù ở cõi trần vui đạo)	497
206. <i>Đắc thủ làm tuyên thành đạo ca</i> (Bài ca được thủ làm tuyên thành đạo)	532
207. <i>Thượng sĩ hành trạng</i> (Hành trạng của Thượng sĩ Tuệ Trung)	537
208. <i>Từ nhập càn giải</i> (Biện giải việc từ chối sang châu)	549
TRẦN THỊ KIẾN	552
209. <i>Tặng An-lăng tự Phồ Minh thiền sư</i> (Đề tặng thiền sư Phồ Minh ở chùa An-lăng)	553
TRẦN ĐẠO TÀI	555
210. <i>Thị Thượng hoàng yến</i> (Hầu tiệc Thượng hoàng)	555
NGUYỄN SĨ CỐ	557
211. <i>Tụng giá Tây chinh yết Tân Viên từ</i> (Phò giá nhà vua chinh phạt phía Tây bài yết đền thờ Tân Viên)	558
212. <i>Tụng giá Tây chinh yết Bạch-hạc giang Hiến uy vương từ</i> (Phò giá nhà vua đi chinh phạt phía Tây bài yết đền Hiến uy vương ở sông Bạch-hạc)	559
VƯƠNG VỤ THÀNH	560
213. <i>Đề Bạch-hạc miếu</i> (Đề miếu Bạch-hạc)	560
PHẠM NGŨ LÃO	562
214. <i>Thuật hoài</i> (Thuật nỗi lòng)	562
215. <i>Văn Thượng tướng quốc công Hưng đạo đại vương</i> (Viếng Thượng tướng quốc công Hưng đạo đại vương)	563
TRẦN THUYỀN (TRẦN ANH TÔNG)	566
216. <i>Từ Hữu gián nghị đại phu Trần Thị Kiến hốt mình</i> (Ban cho Hữu gián nghị đại phu Trần Thị Kiến bài mình khắc trên hốt)	567
217. <i>Đông-sơn tự</i> (Chùa Đông-sơn)	568
218. <i>Động cảnh</i> (Cảnh động)	569
219. <i>Hán Cao Tổ</i> (Hán Cao Tổ)	570
220. <i>Hán Văn Đế</i> (Hán Văn Đế)	571
221. <i>Hán Vũ Đế</i> (Hán Vũ Đế)	572
222. <i>Hán Quang Vũ</i> (Hán Quang Vũ)	573
223. <i>Đường Túc Tông</i> (Đường Túc Tông)	574
224. <i>Tống Độ Tông</i> (Tống Độ Tông)	575
225. <i>Văn-tiên am</i> (Am Văn-tiên)	576
226. <i>Tống Bắc sứ An Lỗ Uy. Lý Cảnh Sơn</i> (Tiễn sứ Bắc An Lỗ Uy, Lý Cảnh Sơn)	577
227. <i>Chinh Chiêm-thành hoàn chu bạc Phúc-thành cảng</i> (Đánh Chiêm-thành về, dậu thuyền ở cửa biển Phúc-thành)	579
228. <i>Ký Phồ Tuệ Tôn giả I</i> (Gửi Phồ Tuệ Tôn giả I)	581
229. <i>Ký Phồ Tuệ Tôn giả II</i> (Gửi Phồ Tuệ Tôn giả II)	581
230. <i>Tình dữ lý quan ư chiết ngục luận</i> (Bàn về tình và lý trong xử kiện)	583
NGUYỄN CHẾ NGHĨA	584
231. <i>Nguồn hoài</i> (Tổ nỗi lòng)	585

KHUYẾT DANH	587
232. <i>Tặng Nghĩa xuyên công, I</i> (Tặng Nghĩa xuyên công, I)	587
233. <i>Tặng Nghĩa xuyên công, II</i> (Tặng Nghĩa xuyên công, II)	587
ĐỖ KHẮC CHUNG	590
234. <i>Vịnh cúc, I</i> (Vịnh hoa cúc, I)	591
235. <i>Vịnh cúc, II</i> (Vịnh hoa cúc, II)	591
236. <i>Thượng sĩ ngữ lục bát</i> (Đề bát sách <i>Thượng sĩ ngữ lục</i>)	593
TRẦN KHÁNH DU	
237. <i>Vạn-kiếp tổng bi truyền thư tự</i> (Đề tựa sách <i>Vạn-kiếp tổng bi truyền thư</i>)	598
BÙI TÔNG HOAN	
238. <i>Giang thôn thu vọng</i> (Ngắm cảnh thu ở xóm bên sông)	603
239. <i>Đình mùi tiêu nguyệt đại thủy, Đam-đam đề quyết</i> (Tháng Chín năm Đình mùi nước lớn, đề Đam-đam võ)	605
240. <i>Vũ hậu tân cư tức sự</i> (Sau cơn mưa tức cảnh đề chỗ ở mới)	606
TRẦN QUANG TRIỀU	608
241. <i>Điếu lâu</i> (Ông già câu cá)	609
242. <i>Trường-an hoài cổ</i> (Trường-an hoài cổ)	610
243. <i>Đề Liều Nguyên Long Tống họa cảnh phiến</i> (Đề chiếc quạt vẽ phong cảnh do Liều Nguyên Long tặng)	611
244. <i>Mai thôn phế tự</i> (Chùa hoang ở xóm Mai)	612
245. <i>Hoàng-châu đạo thượng tác</i> (Viết trên đường Hoàng-châu)	613
246. <i>Đề Gia-lâm tự</i> (Đề chùa Gia-lâm)	614
247. <i>Quy chu tức sự</i> (Tức cảnh khi quay thuyền về)	616
248. <i>Giang-thôn tức sự</i> (Tức cảnh xóm bên sông)	617
249. <i>Quá An-long</i> (Qua An-long)	618
250. <i>Đề Phúc-thành từ đường</i> (Đề nhà thờ Phúc-thành)	620
251. <i>Chu trung độc chúc</i> (Uống rượu một mình trong thuyền)	621
HỮA TÔNG ĐẠO	623
252. <i>Bạch-hạc Thông-thành quán chung ký</i> (Bài ký chuông quán Thông-thành ở Bạch-hạc)	624
KHUYẾT DANH	632
253. <i>Hưng-phúc tự bia</i> (Văn bia chùa Hưng-phúc)	632
ĐỒNG KIẾN CƯƠNG (PHÁP LOA)	645
254. <i>Nhập tục luyện thanh sơn</i> (Vào cõi tục tiếng non xanh)	646
255. <i>Thị tịch</i> (Thị tịch)	648
256. <i>Tân Tuệ Trung Thượng sĩ</i> (Ca ngợi Thượng sĩ Tuệ Trung)	649
257. <i>Khuyến xuất gia tiên đạo ngôn</i> (Lời khuyên người xuất gia tiên tu việc đạo)	650

258.	<i>Trúc lâm đại tôn giả thượng tọa thỉnh sư thị chúng (Trúc lâm đại tôn giả lên pháp tòa nghe sư thuyết pháp)</i>	653
259.	<i>Thượng thừa tam học khuyến chúng phổ thuyết (Phổ thuyết khuyến mọi người về tam học thượng thừa).</i>	663
260.	<i>Yếu minh học thuật (Cách học cần sáng tỏ)</i>	671
LÝ ĐẠO TÀI (HUYỀN QUANG)		680
261.	<i>Ngộ thụ (Ngủ trưa)</i>	682
262.	<i>Yên-tử sơn am cư (Ở am núi Yên-tử)</i>	683
263.	<i>Chư trung (Trong thuyền)</i>	684
264.	<i>Thạch thất (Nhà đá)</i>	685
265.	<i>Thư Bảo-khánh tự bách gian đề (Họa bài thơ đề trên vách chùa Bảo-khánh)</i>	686
266.	<i>Địa lô tức sự (Trước bếp lò tức cảnh)</i>	687
267.	<i>Nhân sự đề Cửu-lan tự (Nhân có việc đề ở chùa Cửu-lan)</i>	688
268.	<i>Mai hòa (Hoa mai)</i>	690
269.	<i>Trù miển (Ngủ ngày)</i>	691
270.	<i>Sơn vũ (Nhà trong núi)</i>	692
271.	<i>Ái phù lô (Thương lên giặc bị bắt)</i>	692
272.	<i>Phiếm chu (Chơi thuyền)</i>	694
273.	<i>Đề Động-hiền đàn việt giả sơn (Đề núi non bộ của thi chủ ở Động-hiền)</i>	695
274.	<i>Quá Vạn-kiếp (Qua Vạn-kiếp)</i>	696
275.	<i>Tặng sĩ đồ tử đệ (Tặng những con em trên đường sĩ hoạn)</i>	697
276.	<i>Đề Đạm-thủy tự (Đề chùa Đạm-thủy)</i>	698
277.	<i>Tảo thu (Thu sớm)</i>	699
278.	<i>Cúc học, I (Hoa cúc, I)</i>	700
279.	<i>Cúc học, II (Hoa cúc, II)</i>	700
280.	<i>Cúc học, III (Hoa cúc, III)</i>	700
281.	<i>Cúc học, IV (Hoa cúc, IV)</i>	700
282.	<i>Cúc học, V (Hoa cúc, V)</i>	700
283.	<i>Cúc học, VI (Hoa cúc, VI)</i>	701
284.	<i>Diên-hựu tự (Chùa Diên-hựu)</i>	704
285.	<i>Vịnh Vân-gên tự phú (Phú vịnh chùa Vân-gên)</i>	706
NGUYỄN THỊ ĐIỂM BÍCH		717
286.	<i>Tức cảnh (Tức cảnh)</i>	718
MẠC KÝ		719
287.	<i>Tống sư ngâm (Thơ ngâm tiễn sư)</i>	719
ĐOÀN NHỮ HẢI		721
288.	<i>Nghĩ Anh Tông Hoàng đế tạ Thượng hoàng biểu (Thay lời vua Anh Tông làm biểu tạ Thượng hoàng)</i>	722

TRƯƠNG HÁN SIÊU	731
289. <i>Cúc hoa bách vịnh, I</i> (Vịnh hoa cúc, I)	731
290. <i>Cúc hoa bách vịnh, II</i> (Vịnh hoa cúc, II)	731
291. <i>Cúc hoa bách vịnh, III</i> (Vịnh hoa cúc, III)	731
292. <i>Cúc hoa bách vịnh, IV</i> (Vịnh hoa cúc, IV)	731
293. <i>Hóa-châu tác</i> (Thơ làm ở Hóa-châu)	733
294. <i>Dục-thủy sơn</i> (Núi Dục-thủy)	734
295. <i>Quá Tống đô</i> (Qua kinh đô nhà Tống)	736
296. <i>Bạch-đăng giang phú</i> (Bài phú sông Bạch-đăng)	737
297. <i>Khai-nghiêm tự bi ký</i> (Văn bia chùa Khai-nghiêm)	746
298. <i>Dục-thủy sơn Linh-tế tháp ký</i> (Bài ký tháp Linh-tế ở núi Dục-thủy)	750
NGUYỄN SƯỞNG	756
299. <i>Giang hành</i> (Đi trên sông)	757
300. <i>Bạch-đăng giang</i> (Sông Bạch-đăng)	757
301. <i>Tống Vô Sơn Ông Văn huệ vương xuất sơn báii tướng</i> (Tiền Vô Sơn Ông Văn huệ vương rời núi nhận chức Tề tướng)	758
302. <i>Nguyệt trung quế</i> (Cây quế trong trăng)	759
303. <i>Trùng đảo Quỳnh-lâm Bích động am lưu đề</i> (Đề thơ khi trở lại am Bích-động ở Quỳnh-lâm)	760
304. <i>Túc Thửu thượng nhân thiền phòng</i> (Ngủ lại trong trai phòng của Thửu thượng nhân)	762
305. <i>Tống Đỗ Ấn Cơ tử hoàn Chi-linh</i> (Tiền ông Đỗ Ấn Cơ về Chi-Linh)	763
306. <i>Văn Tư đồ Văn huệ vương</i> (Viếng Tư đồ Văn huệ vương)	765
307. <i>Thôn cư</i> (Ở làng)	766
308. <i>Chu trung dĩ Đức Văn tự khưu dạ thoại, biệt hữu tác, phụng bình Cúc Đường chủ nhân</i> (Đêm ở trong thuyền chuyện trò cùng tỷ kheo Đức Văn, khi từ biệt làm thơ trình Cúc Đường chủ nhân)	768
309. <i>Cúc Đường đề Khai-nguyên quán Tự Lạc tiên sinh kiều cư, nhân thư kỳ vận</i> (Cúc Đường đề thơ ở quán Khai-nguyên, nơi trọ của tiên sinh Tự Lạc, nhân họa vãn)	769
310. <i>Tống Nguyễn Giới Hiền Bắc sứ</i> (Tiền Nguyễn Giới Hiền đi sứ phương Bắc)	771
311. <i>Thượng phụ cư cư</i> (Nơi ở cũ của Thượng phụ)	772
312. <i>Tiên-du Vạn-phúc tự</i> (Chùa Vạn-phúc ở Tiên-du)	774
313. <i>Phả-lại sơn tự</i> (Chùa trên núi Phả-lại)	775
314. <i>Chu trung tức sự</i> (Tức cảnh trong thuyền)	777
TRẦN MẠNH (TRẦN MINH TÔNG)	779
315. <i>Cúc</i> (Hoa cúc)	780
316. <i>Tặng Trần Bang Cầm họa tượng tịnh thi</i> (Tặng Trần Bang Cầm bức chân dung kèm theo bài thơ)	781
317. <i>Hạnh ngộ</i> (May gặp)	782
318. <i>Văn Quán-viên Huệ Nhãn Quốc sư</i> (Viếng Quốc sư Huệ Nhãn ở chùa Quán-viên)	783
319. <i>Đề Đông-sơn tự</i> (Đề chùa Đông-sơn)	784

320. <i>Cam-lộ tự</i> (Chùa Cam-lộ)	785
321. <i>Từ Phạm Tông Mai</i> (Ban cho Phạm Tông Mai)	786
322. <i>Nghệ-an hành điện</i> (Hành cung ở Nghệ-an)	787
323. <i>Đọ vũ</i> (Mưa đêm)	788
324. <i>Chầu mạch</i> (Xem mạch)	789
325. <i>Tặng Bắc sư Tát Chi Ngõa, Văn Tử Phương</i> (Tặng sư Bắc Tát Chi Ngõa, Văn Tử Phương)	790
326. <i>Việt giới</i> (Biên giới nước Việt)	791
327. <i>Xuân nhật nhân tọa</i> (Ngày xuân ngồi thong thả)	792
328. <i>Thập nhất nguyệt quá bạc Vịnh-sơn liễu trú</i> (Tháng mười một qua hồ Vịnh-sơn, rạng sáng đậu thuyền lại)	793
329. <i>Từ Thiếu bảo Trần Sùng Thao</i> (Ban cho Thiếu bảo Trần Sùng Thao)	796
330. <i>Bạch-dăng giang</i> (Sông Bạch-dăng)	797
331. <i>Kim-minh tri</i> (Ao Kim-minh)	798
332. <i>Nguyệt-áng sơn hàn đường</i> (Nhà hàn đường ở núi Nguyệt-áng)	800
333. <i>Đĩnh Chân Bình Thôn Từ Nhân huệ vương trang</i> (Trang trại của Nhân huệ vương Đĩnh chân bình thôn từ).	801
334. <i>Độc Dịch</i> (Độc Kinh dịch)	803
335. <i>Tạ Bắc sư Mã Hợp Mưu, Dương Đình Trấn</i> (Tạ sư Bắc Mã Hợp Mưu, Dương Đình Trấn)	804
336. <i>Tạ Bắc sư Mã Hợp Mưu, Dương Đình Trấn</i> (Tạ sư Bắc là Mã Hợp Mưu, Dương Đình Trấn — họa vắn bài trước).	805
337. <i>Văn Pháp Loa tôn giử đề Thanh-mai tự</i> (Đề chùa Thanh-mai viếng Pháp Loa tôn giử)	807
338. <i>Tổng Bắc sư Tát Chi Ngõa, Triệu Tử Kỳ</i> (Tặng sư Bắc Tát Chi Ngõa, Triệu Tử Kỳ)	808
339. <i>Tặng Huyền Quang Tôn giả</i> (Tặng Huyền Quang Tôn giả)	810
340. <i>Giới am ngâm</i> (Bài ngâm về cái am cỏ)	813
341. <i>Tương tịch, ký Kim Sơn thiền sư</i> (Sắp mặt, gửi thiền sư Kim Sơn)	816
342. <i>Nhậm nhân luận</i> (Bàn về việc dung người)	817
343. <i>Cử thiện ác nhân oạt dĩ thị hoàng tử luận</i> (Bàn về việc nên gương người tốt, kẻ xấu để dạy bảo hoàng tử)	819
TRẦN HIỆU KHẢ	821
344. <i>Tức sự</i> (Tức sự)	821
PHẠM NGỘ	823
345. <i>Giang trung dạ cảnh</i> (Cảnh đêm trên sông)	824
346. <i>Chi-linh đạo trung</i> (Trên đường Chi-linh)	825
347. <i>Yết Vạn-tải từ đường</i> (Yết nhà thờ Vạn-tải)	826
348. <i>Dạ-than dạ bạc</i> (Ban đêm đậu thuyền ở bên sông Dạ-than)	827
349. <i>Thu dạ tức sự</i> (Tức cảnh đêm thu)	828
350. <i>Du Phù-thạch nhậm nãi tiên-tổ tu hành chi địa, chư trung tác</i> (Cầm tác lúc đi thuyền dạo chơi ở động Phù-thạch là nơi tổ tiên tu hành)	829

PHẠM MAI	832
351. Bắc sứ ngầu thành (Ngầu hứng trên đường đi sứ phương Bắc)	833
352. Đề ân giả sở cư họa vận (Họa vận bài thơ « Đề nơi ở người ân sĩ »)	834
353. Phỏng tăng (Thăm nhà sư)	835
354. Nhân cư lục ngôn đề thủy mặc trường tử tiểu cảnh (Nhân lúc rỗi, dùng thơ sáu chữ đề vào bức tranh nhỏ trên tấm trường thủy mặc)	837
355. Lôm chung thị ý (Bày tỏ ý nghĩ lúc sắp mất)	838
356. Thiên thu giám phủ (Phủ thiên thu giám)	839
MẠC ĐÌNH CHI	846
357. Hộ linh (Mừng trời tạnh)	851
358. Văn cảnh (Cảnh chiều)	852
359. Tảo hành (Đi sớm)	853
360. Quá Bành-trạch phỏng Đào Tiềm cụ cư (Qua Bành trạch, thăm nơi ở cũ của Đào Tiềm)	855
361. Ngọc tỉnh liên phủ (Phủ hoa sen giếng ngọc)	856
362. Phấn minh (Bài minh đề quạt)	863
363. Giáo tử phủ (Phủ dạy con)	864

PHỤ LỤC

CÁC BẢNG TRA CỨU

I. Niên biểu	881
II. Các sự kiện lịch sử và văn hóa	882
III. Tra cứu tên đất	889
IV. Tra cứu tên người	894
1. Tên người trong văn bản	894
2. Tên tác giả có tác phẩm được chọn	901
V. Tra cứu tên tác phẩm	903
1. Tác phẩm đã mất hoặc không chọn	903
2. Tác phẩm đã được chọn	907
3. Tác phẩm được nhắc đến trong văn bản	917
VI. Tra cứu thuật ngữ và điển tích	921
1. Thuật ngữ và điển tích Phật học	921
2. Thuật ngữ và điển tích Nho, Lão, cùng các tôn giáo tín ngưỡng khác	930
VII. Tra cứu từ vựng cổ (qua các sáng tác nôm)	936
VIII. Phả hệ các dòng thiền Trung-quốc liên quan đến hệ thống điển tịch Phật học Lý — Trần	945
XIX. Phả hệ dòng thiền Trúc lâm đời Trần	948
X. Tài liệu và sách báo tham khảo chính	950